

Địa vị pháp lý của thẩm phán trong tố tụng hình sự Việt Nam : Luận văn ThS. Luật: 60 38 40 / Trương Thị Hạnh ; Nghd. : GS.TS. Võ Khánh Vinh

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
MỞ ĐẦU	
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA THẨM PHÁN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM	6
1.1. Khái niệm, vị trí, vai trò của Thẩm phán	6
1.1.1. Khái niệm Thẩm phán, địa vị pháp lý của Thẩm phán	6
1.1.2. Vị trí, vai trò của Thẩm phán	12
1.2. Mối quan hệ của Thẩm phán trong công tác	14
1.3. Một số nguyên tắc tố tụng cơ bản khi giải quyết vụ án hình sự Thẩm phán phải tuân thủ	19
1.3.1. Nguyên tắc pháp chế	20
1.3.2. Nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật	21
1.3.3. Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án	22
1.4. Quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm phán trong tố tụng hình sự Việt Nam	24
1.4.1. Quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm phán với tư cách là cán bộ Tòa án	24
1.4.2. Quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án hình sự	26
1.5. Lịch sử hình thành và phát triển các quy định pháp luật về địa vị pháp lý của Thẩm phán	29
1.5.1. Giai đoạn từ 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật Tố tụng	30

hình sự năm 1988	
1.5.2. Giai đoạn từ năm 1988 đến trước khi ban hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003	42
1.6. Quy định của pháp luật một số nước về địa vị pháp lý của Thẩm phán	46
1.6.1. Liên bang Nga	46
1.6.2. Cộng hòa Pháp	52
1.6.3. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	55
Chương 2: THỰC TRẠNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA THẨM PHÁN THEO BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA THẨM PHÁN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ	59
2.1. Thực trạng các quy định pháp luật về hoạt động của Thẩm phán theo Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam	59
2.1.1. Các quy định về chuẩn bị xét xử	59
2.1.2. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm	68
2.1.3. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm	75
2.1.4. Xét xử lại bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.	78
2.1.5. áp dụng pháp luật	79
2.1.6. Phổ biến, giáo dục pháp luật	81
2.1.7. Thi hành án	84
2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về hoạt động của Thẩm phán trong tố tụng hình sự	85
2.2.1. Những kết quả đạt được và chưa đạt được	85
2.2.1. Nguyên nhân	93
2.2.2.1. Nguyên nhân khách quan	93
2.2.2.2. Nguyên nhân chủ quan	94
Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA THẨM PHÁN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM	96
3.1. Phương hướng hoàn thiện	96
3.2. Giải pháp hoàn thiện	103
3.2.1. Lập pháp	103

3.2.2.	Về áp dụng pháp luật	108
3.2.3.	Văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật	109
3.2.4.	Lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với đội ngũ Thẩm phán	109
3.2.5.	Về tổ chức cán bộ	110
	KẾT LUẬN	114
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	116

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua, thực hiện đường lối của Đảng nền kinh tế nước nhà tiếp tục tăng trưởng, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao. Trong thành tựu đó có phần đóng góp tích cực của cơ quan tư pháp, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và sự giúp đỡ của các cơ quan nhà nước, sự ủng hộ và giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, các cơ quan tư pháp đã đạt được nhiều kết quả trong việc ngăn ngừa, đấu tranh tội phạm và các tệ nạn xã hội góp phần vào việc giữ vững an ninh đấu tranh và bảo vệ chính sách bình yên cho nhân dân. Đó là mặt quan trọng của cuộc sống đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh.

Bên cạnh những đóng góp to lớn thì công tác của các cơ quan tư pháp vẫn còn không ít những sai phạm. Những sai phạm này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, tổ chức, gây bức xúc trong xã hội mà qua đó nó còn thể hiện sự yếu kém của pháp luật. Chính vì vậy, công cuộc cải cách tư pháp là nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa đang được Đảng và Nhà nước quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Từ năm 2002 - 2005, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị đã ban hành một số nghị quyết về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước và pháp luật. Trong đó nhấn mạnh đến tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp như Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 "Về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới" (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 08), Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị "Về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng năm 2020" (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 48), Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 "Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 49). Trong đó, Nghị quyết 08 đưa ra một trong những nhiệm vụ của cơ quan tư pháp là phải nâng cao chất lượng trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án nhằm ngăn ngừa có hiệu quả và xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm hình sự, bảo vệ trật tự, kỷ cương, đảm bảo và tôn trọng quyền dân

chủ, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và công dân; chủ trương đề cao vai trò tranh tụng tại phiên tòa. Nghị quyết 08 cũng đã khẳng định: "Nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp".

Trong hệ thống các cơ quan tư pháp bảo vệ pháp luật thì Tòa án được coi là trung tâm, là cơ quan nhân danh Nhà nước thực hiện quyền tư pháp, là tâm điểm của cải cách tư pháp. Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa là thành viên của Hội đồng xét xử, là người trực tiếp giải quyết vụ án, cùng Hội đồng xét xử ra các phán quyết của Tòa án liên quan đến quyền lợi của cá nhân, tổ chức. Trong cải cách tư pháp Tòa án được coi là trọng tâm với nhiệm vụ "nâng cao tranh tụng tại các phiên tòa" và khi xét xử, các Tòa án phải bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ khách quan; Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi ích hợp pháp để ra bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời hạn luật định thì việc lựa chọn đề tài **"Địa vị pháp lý của Thẩm phán trong tố tụng hình sự Việt Nam"** làm luận văn Thạc sĩ là điều hết sức cần thiết và có tính thời sự với mong muốn góp phần vào thực hiện nhiệm vụ chung về cải cách tư pháp.

2. Tình hình nghiên cứu

Theo thống kê không đầy đủ thì cũng có một số công trình nghiên cứu về chế định Thẩm phán cũng như về địa vị pháp lý của Thẩm phán dưới dạng luận văn cử nhân như: *"Chế định Thẩm phán trong tố tụng hình sự - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn"*, của Trần Thu Trang; *"Địa vị pháp lý của Chánh án, Phó chánh án Tòa án nhân dân, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội thẩm nhân dân trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam"*, của Nguyễn Thị Hằng; *"Cơ sở khoa học của việc xây dựng đội ngũ Thẩm phán ở Việt Nam hiện nay"*, của Đỗ Gia Thư; *"Nghiên cứu mô hình nhân cách Thẩm phán trong hoạt động xét xử"*, của Bùi Kim Chí dưới dạng luận án tiến sĩ... Bên cạnh đó, còn có một số công trình nghiên cứu dưới dạng bài viết đăng trên các tạp chí khoa học về hoạt động thực tiễn của Thẩm phán của các nhà làm công tác thực tiễn, các nhà nghiên cứu khoa

học. Thiết nghĩ hơn bao giờ hết trong giai đoạn hiện nay khi Đảng và Nhà nước đang chú trọng đến tiến trình cải cách tư pháp mà trọng tâm là Tòa án, với tư cách là học viên cao học, một cán bộ Tòa án làm công tác thực tiễn tác giả nhận thấy việc nghiên cứu về địa vị pháp lý của Thẩm phán có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất lớn.

3. Mục đích nghiên cứu

Việc nghiên cứu đề tài này nhằm làm rõ những vấn đề lý luận, nội dung các quy định về hoạt động của Thẩm phán theo Bộ luật Tổ tụng hình sự cũng như tình hình thực tiễn áp dụng pháp luật về hoạt động của Thẩm phán trong tố tụng hình sự. Từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao địa vị pháp lý của Thẩm phán theo hướng cải cách tư pháp, nâng cao yếu tố tranh tụng tại các phiên tòa như Bộ Chính trị đã đề ra trong các nghị quyết 08, 49 và 48.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về địa vị pháp lý của Thẩm phán và thực tiễn áp dụng các quy định về hoạt động của Thẩm phán.

Trên cơ sở mục đích, đối tượng nghiên cứu đã xác định phạm vi nghiên cứu của đề tài chủ yếu tập trung vào những vấn đề tố tụng hình sự liên quan đến địa vị pháp lý của Thẩm phán và thực tiễn áp dụng. Bên cạnh đó luận văn cũng có tìm hiểu, so sánh với pháp luật của một số nước trên thế giới.

5. Phương pháp nghiên cứu của luận văn

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng và Nhà nước.

Ngoài ra, luận văn còn sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khoa học như: phương pháp phân tích, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê, tổng hợp...

6. Ý nghĩa khoa học của đề tài

Kết quả nghiên cứu của đề tài giúp cho cơ quan lập pháp lựa chọn giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về địa vị pháp lý của Thẩm phán, các quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa và các quy định liên quan đến quá trình giải quyết vụ án hình sự để phán quyết của Tòa án được khách quan, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm... đảm bảo nguyên tắc hoạt động Thẩm phán và

Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Tạo ra hành lang pháp lý vững chắc cho Thẩm phán khi thực hiện nhiệm vụ xét xử.

Bên cạnh đó, luận văn còn có ý nghĩa thực tiễn rất lớn cho những người làm công tác thực tiễn mà cụ thể ở đây là Thẩm phán. Giúp cho Thẩm phán có nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ quyền hạn và trách nhiệm của họ được pháp luật quy định để từ đó áp dụng cho thống nhất, chính xác, tránh áp dụng tùy tiện.

Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân giám sát hoạt động xét xử của Thẩm phán qua kết quả giải quyết án. Giúp cho những người tham gia tố tụng có những nhận thức hiểu biết đúng đắn về địa vị pháp lý của Thẩm phán để khi ra phiên tòa có sự tôn trọng pháp luật, tôn trọng người tiến hành tố tụng và biết cách để bảo vệ quyền lợi của mình.

7. Những đóng góp mới của luận văn

Trên cơ sở nghiên cứu đề tài "*Địa vị pháp lý của Thẩm phán trong tố tụng hình sự Việt Nam*" luận văn đã làm rõ những vấn đề lý luận về địa vị pháp lý của Thẩm phán; nghiên cứu thực trạng các quy định pháp luật về hoạt động của Thẩm phán theo Bộ luật Tổ tụng hình sự Việt Nam; tìm hiểu thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về hoạt động của Thẩm phán để thấy được những kết quả đạt được và chưa đạt được, tìm ra những nguyên nhân. Trên cơ sở đó luận văn đưa ra một số giải pháp hoàn thiện nhằm hoàn thiện địa vị pháp lý của Thẩm phán đặt trong bối cảnh cải cách tư pháp mà Bộ Chính trị đã đề ra.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về địa vị pháp lý của Thẩm phán trong tố tụng hình sự Việt Nam.

Chương 2: Thực trạng các quy định về hoạt động của Thẩm phán theo Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về hoạt động của Thẩm phán trong tố tụng hình sự.

Chương 3: Phương hướng, giải pháp hoàn thiện các quy định về địa vị pháp lý của Thẩm phán trong tố tụng hình sự Việt Nam.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA THẨM PHÁN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm, vị trí, vai trò của Thẩm phán

1.1.1. Khái niệm Thẩm phán, địa vị pháp lý của Thẩm phán

Luận văn đề cập đến khái niệm về Thẩm phán được đưa ra trong tài liệu tham khảo, trong Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân năm 2002. Sau khi nghiên cứu tác giả thấy khái niệm về Thẩm phán được quy định trong Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân năm 2002 "Thẩm phán là người được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật để làm nhiệm vụ xét xử những vụ án và giải quyết những việc khác thuộc thẩm quyền của Tòa án" là đầy đủ và hoàn chỉnh hơn cả, tác giả đồng tình với khái niệm này. Tác giả phân tích nội hàm của khái niệm này và hiểu về Thẩm phán dưới nhiều góc độ khác nhau. Trước hết đó hiểu Thẩm phán dưới góc độ là *người*- chuyên hành nghề xét xử; là *một chức danh* quan trọng không thể thiếu được trong tổ chức bộ máy nhà nước; là *công chức nhà nước*.

Qua đó, tác giả đã đưa ra khái niệm địa vị pháp lý của Thẩm phán như sau: *Địa vị pháp lý của Thẩm phán được hiểu là tổng thể các quyền và nghĩa vụ tổ tụng được pháp luật trao cho họ khi thực hiện các hoạt động tố tụng nhân danh Nhà nước và các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của Tòa án.*

Tác giả có tìm hiểu địa vị pháp lý của Thẩm phán dưới góc độ địa vị pháp lý của một công dân; địa vị pháp lý của công chức nhà nước.

Quyền và nghĩa vụ của Thẩm phán được phân loại theo các dạng sau:

- Quyền và nghĩa vụ của Thẩm phán với tư cách là một cán bộ Tòa án;
- Quyền và nghĩa vụ của Thẩm phán với tư cách là người tiến hành tố tụng tham gia giải quyết vụ án hình sự.

Nhưng nói gì đi nữa thì quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được coi là cái gốc để để quy định quyền và nghĩa vụ của Thẩm phán.

1.1.2. Vị trí, vai trò của Thẩm phán

- Thẩm phán có vị trí trung tâm trong quá trình tố tụng tại phiên tòa.
- Tòa án là công cụ bảo vệ công lý trong đó Thẩm phán là trụ cột, là chỗ dựa vững chắc cho công dân, tổ chức nhà nước trong việc đấu tranh và phòng chống

tội phạm. Trong xét xử bắt buộc phải có Thẩm phán, chỉ Thẩm phán mới có quyền xét xử, chính bởi vậy Thẩm phán giữ vị trí, vai trò trọng yếu trong hoạt động xét xử, có tính chất quyết định đến uy tín, chất lượng xét xử của Tòa án.

1.2. Mối quan hệ của Thẩm phán trong công tác

Mối quan hệ của Thẩm phán trong công tác có hai dạng đó là: Mối quan hệ hành chính và mối quan hệ tố tụng. Trong đó mối quan hệ tố tụng gồm có: Mối quan hệ giữa Thẩm phán và người tiến hành tố tụng, mối quan hệ của Thẩm phán với người tham gia tố tụng.

- *Mối quan hệ hành chính*: Mối quan hệ hành chính là quan hệ giữa Thẩm phán và Chánh án nhưng nó được hiểu dưới hai góc độ khác nhau: *Thứ nhất*: Mối quan hệ giữa Thẩm phán với tư cách cán bộ cơ quan và Chánh án với tư cách thủ trưởng cơ quan; *Thứ hai*: Mối quan hệ giữa Thẩm phán và Chánh án với tư cách là Thẩm phán tham gia giải quyết vụ án hình sự.

- *Mối quan hệ tố tụng*:

- + Mối quan hệ giữa Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án.
- + Mối quan hệ giữa Thẩm phán và Thư ký Tòa án
- + Mối quan hệ giữa Thẩm phán và Kiểm sát viên giữ quyền công tố.
- + Mối quan hệ của Thẩm phán với Luật sư.
- + Mối quan hệ của Thẩm phán với người giám định, người phiên dịch.
- + Mối quan hệ của Thẩm phán với bị cáo, người bị hại và các đương sự khác.

1.3. Một số nguyên tắc tố tụng cơ bản khi giải quyết vụ án hình sự Thẩm phán phải tuân thủ

1.3.1. Nguyên tắc pháp chế

Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa được thể hóa tại Điều 3 Bộ luật Tố tụng hình sự "Mọi hoạt động tố tụng hình sự phải được tiến hành theo quy định của Bộ luật này". Theo nguyên tắc này thì khi giải quyết vụ án hình sự mọi hoạt động tố tụng của Thẩm phán phải được tiến hành theo trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự bảo đảm phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội; không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

1.3.2. Nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật

Nguyên tắc này đòi hỏi khi xét xử các thành viên trong Hội đồng xét xử độc lập với nhau trong suy nghĩ, trong việc xem xét, kiểm tra, đánh giá chứng cứ và đưa ra các kết luận về sự việc phạm tội và người thực hiện tội phạm. Độc lập xét xử không có nghĩa là xét xử tùy tiện mà độc lập trong khuôn khổ pháp luật không được tách rời đường lối chính sách của Đảng.

Nguyên tắc này còn được thể hiện ở nội dung Hội đồng xét xử độc lập với các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và các cá nhân.

Đây là một trong những nguyên tắc tố tụng quan trọng bậc nhất đảm bảo cho việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

1.3.3. Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án

Theo luật tố tụng hình sự, xác định sự thật của vụ án thuộc trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án). Mọi hoạt động tố tụng, áp dụng biện pháp tố tụng của các cơ quan điều tra khi giải quyết vụ án hình sự đều nhằm mục tiêu tìm ra sự thật khách quan của vụ án từ đó để truy tố, xét xử đối với người có tội. Đối với Thẩm phán khi được giao nhiệm vụ giải quyết một vụ án cụ thể, đáp số cuối cùng, mục tiêu cuối cùng mà người Thẩm phán phải tìm ra đó là sự thật khách quan của vụ án.

1.4. Quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm phán trong tố tụng hình sự Việt Nam

1.4.1. Quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm phán với tư cách là cán bộ Tòa án

Tại Điều 11 Pháp lệnh đã quy định "Thẩm phán làm nhiệm vụ xét xử những vụ án và giải quyết những việc khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự phân công của Chánh án Tòa án nơi mình công tác hoặc Tòa án nơi mình được biệt phái đến làm nhiệm vụ có thời hạn".

Theo quy định trên, Thẩm phán có hai nhiệm vụ lớn như sau: *Thứ nhất:* Xét xử những vụ án mà cụ thể là án hình sự, dân sự, lao động, hành chính, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại. *Thứ hai:* Giải quyết những việc khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự phân công của Chánh án Tòa án nơi mình công tác hoặc Tòa án nơi mình được biệt phái đến làm nhiệm vụ có thời hạn.

Với tư cách là một cán bộ công chức nhà nước, Thẩm phán trước hết phải chịu sự điều chỉnh của Pháp lệnh cán bộ công chức nhà nước được hưởng các quyền và thực hiện các nghĩa vụ của mình. Pháp luật tố tụng hình sự đã quy định rất cụ thể những quyền hạn và trách nhiệm của người Thẩm phán với tư cách là cán bộ Tòa án. Với những quy định này được áp dụng chung cho các Thẩm phán ở các Tòa án các cấp khác nhau hay giữ chức vụ khác nhau. Cụ thể:

- Thẩm phán làm nhiệm vụ xét xử những vụ án và giải quyết những việc khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự phân công của Chánh án, Tòa án nơi mình công tác hoặc Tòa án nơi mình biệt phái đến làm nhiệm vụ có thời hạn;

- Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thẩm phán phải dựa vào cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của mặt trận, các tổ chức xã hội khác, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân. Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của mình các tổ chức, các cá nhân có trách nhiệm tạo điều kiện để Thẩm phán làm nhiệm vụ;

- Thẩm phán có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân thi hành những quyết định có liên quan đến việc giải quyết vụ án hoặc những việc khác theo quy định của pháp luật;

- Thẩm phán phải gương mẫu trong việc chấp hành Hiến pháp, pháp luật, có cuộc sống lành mạnh và tôn trọng quy tắc sinh hoạt công cộng, tham gia tuyên truyền phổ biến pháp luật;

- Thẩm phán có trách nhiệm học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ Tòa án;

- Thẩm phán có thang bậc lương riêng, được hưởng phụ cấp trách nhiệm và các phụ cấp khác theo quy định pháp luật;

- Thẩm phán đi làm được miễn phí cầu, phà, đường theo quy định của pháp luật;

- Thẩm phán được cấp trang phục, giấy chứng minh Thẩm phán để làm nhiệm vụ;

- Thẩm phán phải từ chối tham gia xét xử hoặc bị thay đổi trong các trường hợp do pháp luật tố tụng quy định;

- Thẩm phán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình nếu có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ sai phạm và hậu quả mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Thẩm phán phải tôn trọng nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân;
- Thẩm phán làm nhiệm vụ theo sự phân công của Chánh án;
- Thẩm phán phải giữ bí mật công tác theo quy định của pháp luật;
- Thẩm phán không được tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân năm 2002 cũng đã quy định những việc mà Thẩm phán không được làm.

1.4.2. Quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án hình sự

Bên cạnh những quyền hạn và trách nhiệm chung của một cán bộ Tòa án như trên vừa phân tích thì khi giải quyết vụ án hình sự Thẩm phán còn có những quyền hạn và trách nhiệm riêng, đặc thù để thực hiện nhiệm vụ xét xử của họ. Nhưng có thể nói quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm phán với tư cách là cán bộ Tòa án hay với tư cách là Thẩm phán giải quyết vụ án hình sự thì chúng đều có sự chi phối, xuyên suốt trong toàn bộ quá trình hoạt động tố tụng của Thẩm phán.

Có thể phân ra hai nhóm Thẩm phán: Nhóm thứ nhất Thẩm phán làm chức năng quản lý giữ chức vụ Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân các cấp; nhóm thứ hai Thẩm phán chuyên hành nghề xét xử các vụ án hình sự

- Tại Điều 38 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định rất rõ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm phán giữ chức vụ quản lý Chánh án, Phó Chánh án Tòa án như sau: Tổ chức công tác xét xử của Tòa án; quyết định phân công Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm giải quyết, xét xử vụ án hình sự; quyết định phân công Thư ký Tòa án tiến hành tố tụng đối với vụ án hình sự; quyết định thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án trước khi mở phiên tòa; kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án theo quy định của Bộ luật này; ra quyết định thi hành án hình sự; quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù; quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; quyết định xóa án tích, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Tòa án. Khi thực hiện nhiệm vụ Chánh án, Phó Chánh án Tòa án phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi và quyết định của mình.

- Quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm phán với tư cách là Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa được phân công giải quyết vụ án.

Xét xử là giai đoạn trung tâm của việc giải quyết vụ án hình sự, thể hiện sức mạnh quyền lực của Nhà nước - Thẩm phán là người trực tiếp thể hiện sức mạnh của quyền lực đó. Để làm được điều đó, pháp luật đã trao cho họ địa vị pháp lý có tính riêng biệt. Cụ thể:

Sau khi vụ án hình sự được thụ lý, Chánh án hoặc Phó Chánh án Tòa án phân công Thẩm phán giải quyết vụ án. Thẩm phán phải có trách nhiệm *ngiên cứu hồ sơ* trước khi mở phiên tòa.

Bất kể Thẩm phán ở Tòa án cấp nào đều có quyền và trách nhiệm *tham gia xét xử các vụ án hình sự* thuộc thẩm quyền của Tòa án nơi mình công tác, Tòa án nơi mình được biệt phái đến công tác có thời hạn, khi được phân công giải quyết. Thẩm phán dù ở cấp xét xử nào hay xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì sự tham gia của Thẩm phán trong Hội đồng xét xử là điều bắt buộc. Đây là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ của Thẩm phán.

Khi tham gia giải quyết vụ án hình sự, Thẩm phán có quyền *tiến hành các hoạt động tố tụng để phục vụ cho việc giải quyết vụ án và biểu quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử* (ví dụ vấn đề về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, án phí, tạm giam, quyền kháng cáo...).

Ngoài ra, *Thẩm phán còn có trách nhiệm tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự phân công của Chánh án.*

Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ, Thẩm phán có quyền *quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn theo quy định của Bộ luật này; quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án; triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa; tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự phân công của Chánh án Tòa án.* Để các phán quyết của Tòa án nhân danh Nhà nước đảm bảo tính khách quan, công bằng và cũng để đảm bảo nguyên tắc khi xét xử "Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" thì tại khoản 4 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về chế độ chịu trách nhiệm của người Thẩm phán: *Thẩm phán chỉ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi và quyết định của mình chứ không phải chịu trách nhiệm trước bất cứ cá nhân, tổ chức nào.*

1.5. Lịch sử hình thành và phát triển các quy định pháp luật về địa vị pháp lý của Thẩm phán

1.5.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988

Cách mạng tháng Tám thành công, bộ máy chế độ thực dân phong kiến bị đập tan, trong khi chờ có Hiến pháp được ban hành, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký một loạt sắc lệnh thành lập Tòa án cách mạng, thay thế cho các Tòa án của chế độ cũ.

Trong giai đoạn này các quy định về địa vị pháp lý của Thẩm phán được quy định rải rác tại một số sắc lệnh trong đó Sắc lệnh số 33 ngày 13/9/1945 và Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1946 quy định một cách rất cụ thể về tiêu chuẩn Thẩm phán, cách tuyển chọn, đối tượng tuyển chọn, quyền và nghĩa vụ của Thẩm phán, kỷ luật Thẩm phán, y phục Thẩm phán và Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1946 được coi là văn bản đầu tiên quy định khá cụ thể, đầy đủ và rất tiến bộ về tổ chức Tòa án cũng như tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các ngạch Thẩm phán. Tại thời điểm này Thẩm phán Tòa án tư pháp được chia thành 2 ngạch: ngạch sơ cấp, ngạch đệ nhị cấp. Thẩm phán sơ cấp làm việc ở Tòa sơ cấp, Thẩm phán đệ nhị cấp làm việc ở Tòa đệ nhị cấp và Tòa thượng thẩm. Thẩm phán xử án cũng có thể được chuyển sang làm Thẩm phán buộc tội và ngược lại. Về nguyên tắc xét xử Thẩm phán sẽ chỉ trọng pháp luật và công lý. Các cơ quan khác không được can thiệp vào việc Tư pháp; mỗi Thẩm phán xử án quyết định theo pháp luật và lương tâm của mình. Không quyền lực nào được can thiệp trực tiếp hay gián tiếp vào công việc xử án. Vị trí vai trò của người Thẩm phán đã được đánh giá và coi trọng rất cao, là nhân tố chủ yếu khi xử án, chính vì vậy mà yếu tố đạo đức được đề cao.

Các quy định về Thẩm phán tại Sắc lệnh số 13 được cụ thể hóa trong bản Hiến pháp 1946 và được nâng lên thành chế định Thẩm phán, có sự phân công rõ ràng giữa Thẩm phán xét xử và Thẩm phán công tố.

Trong thời kỳ này chưa có các Bộ luật trọng yếu như Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật dân sự để làm cơ sở pháp lý căn bản cho tổ chức và hoạt động của hệ thống Tòa án. Theo đó các quy định về Thẩm phán như thẩm quyền, nhiệm vụ... được quy định đầy đủ và hoàn thiện hơn nhưng cũng chỉ được quy định trong Hiến pháp 1959, một luật và một pháp lệnh tổ chức của Tòa án mà thôi. Nếu như trong giai đoạn từ 1945- 1959 Thẩm phán có thẩm quyền xét xử

và thẩm quyền buộc tội thì cũng có Thẩm phán xét xử và Thẩm phán buộc tội nhưng từ khi có Hiến pháp 1959 đến nay, Thẩm phán chỉ còn thẩm quyền xét xử.

1.5.2. Giai đoạn từ năm 1988 đến trước khi ban hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003

Bộ luật Tố tụng hình sự 1988 ra đời là Bộ luật Tố tụng hình sự đầu tiên của nước ta quy định quyền hạn và trách nhiệm của người tiến hành tố tụng trong đó có Thẩm phán. Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa là người điều khiển phiên tòa và là người xét hỏi chính, Thẩm phán là thành viên Hội đồng xét xử tham gia xét hỏi sau Chủ tọa. Về quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm phán được quy định tại các chương về thủ tục xét xử sơ thẩm, phúc thẩm và giám đốc thẩm, tái thẩm.

Bộ luật này đã nhiều lần được sửa đổi: lần thứ nhất vào ngày 30/6/1990, lần 2 ngày 22/12/1992. Bổ sung Điều 16a về thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đồng thời là chung thẩm gồm có ba Thẩm phán và hai Hội thẩm nhân dân. Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa điều khiển và giữ kỷ luật tại phiên tòa. Mặc dù vậy, qua hai lần sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng hình sự 1988 vẫn chưa đáp ứng được tình hình mới nên đến ngày 21/12/1999 Quốc hội đã sửa đổi, bổ sung lần ba và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2000. Lần sửa đổi này đã bỏ Điều 16a về thành phần Hội đồng thẩm phán sơ thẩm đồng thời là chung thẩm.

Giai đoạn này các văn bản pháp luật tố tụng hình sự đã được pháp điển hóa một cách có hệ thống tạo ra hành lang pháp lý, cơ sở pháp lý cho hoạt động tố tụng cũng như việc thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm phán trong việc thi hành các nhiệm vụ được giao.

1.6. Quy định của pháp luật một số nước về địa vị pháp lý của Thẩm phán

1.6.1. Liên bang Nga

Bộ luật Tố tụng hình sự của Liên bang Nga đã quy định khá cụ thể về địa vị pháp lý của Thẩm phán theo trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm, thủ tục xét xử đặc biệt, thủ tục xét xử phúc thẩm, thủ tục xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm.

Bên cạnh, Bộ luật Tố tụng hình sự của Liên bang Nga quy định về địa vị pháp lý của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án hình sự thì còn có Luật số 31321 ngày 26/6/1992 của Liên bang Nga được sửa đổi, bổ sung ngày 21/6/1995 về Quy chế Thẩm phán Liên bang Nga cũng quy định rất rõ về quyền và nghĩa vụ của Thẩm phán trong quá trình thực hiện hoạt động tố tụng của mình

như: Thẩm phán Nga là người thực thi quyền lực xét xử; hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, khi thực thi quyền xét xử Thẩm phán không phải báo cáo cho bất kỳ người nào; mọi yêu cầu và quyết định của Thẩm phán được ban hành ra trong khi Thẩm phán thực hiện quyền xét xử của mình thì đều có hiệu lực bắt buộc đối với tất cả mọi cá nhân, tổ chức không trừ một cơ quan, tổ chức cá nhân nào... Đồng thời Quy chế cũng khẳng định rõ "khi thực thi quyền xét xử Thẩm phán không phải báo cáo cho bất kỳ người nào" (Điều 1). Quy định này thể hiện Thẩm phán Nga có tính độc lập rất cao trong hoạt động xét xử và có cơ chế bảo đảm tính độc lập của Thẩm phán.

1.4.2. Cộng hòa Pháp

Bộ luật Tố tụng hình sự của nước Cộng hòa Pháp được Nghị viện Pháp ban hành theo Luật số 57-1426 ngày 31/12/1957 và có hiệu lực thi hành vào năm 1958. Đến nay đã được sửa đổi bổ sung nhiều lần (Luật ngày 4/1, Luật ngày 10/8 và Luật 24/8/1993, Luật ngày 2/2/1995). Bộ luật có 803 điều chia thành năm quyển.

Bộ luật quy định rất rõ thẩm quyền chung của Thẩm phán: "Thẩm phán và công chức được pháp luật giao quyền công tố tiến hành khởi tố và thực hiện quyền công tố để áp dụng hình phạt. Cũng có thể khởi tố theo yêu cầu của người bị hại trong những trường hợp quy định tại Bộ luật này". Chủ tọa phiên tòa luôn giữ vai trò là người trọng tài.

1.6.3. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Thủ tục tố tụng hình sự được áp dụng tại Tòa án nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa theo Luật tố tụng hình sự năm 1979 và Luật sửa đổi Luật tố tụng hình sự năm 1996. Luật tố tụng hình sự gồm bốn phần, 221 điều.

Nghiên cứu các quy định về xét xử tại phần ba của luật tố tụng hình sự này chúng ta thấy cũng có phần nào giống quy định của luật tố tụng hình sự Việt Nam về địa vị pháp lý của Thẩm phán. Xét xử sơ thẩm đối với những vụ án thuộc án tư tố hay công tố thì tại phiên tòa, Thẩm phán nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là người điều khiển suốt quá trình diễn ra phiên tòa nhưng không phải là người đầu tiên tham gia thẩm vấn, không thẩm vấn liên tục. Kiểm sát viên là người tham gia xét hỏi đầu tiên với sự cho phép của Thẩm phán chủ tọa và là người điều khiển để cho các bên tham gia tranh luận.

Chương 2

THỰC TRẠNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA THẨM PHÁN THEO BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA THẨM PHÁN TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ

2.1. Thực trạng các quy định về hoạt động của Thẩm phán theo Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam

2.1.1. Các quy định về chuẩn bị xét xử

Chuẩn bị xét xử là giai đoạn vô cùng quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Bởi lẽ, chất lượng xét xử vụ án có đạt kết quả cao hay không, yếu tố tranh tụng có đảm bảo tính khách quan, dân chủ và hiệu quả hay không phụ thuộc rất nhiều vào giai đoạn chuẩn bị xét xử. Do đó, Thẩm phán cần có sự chuẩn bị xét xử kỹ càng trước khi mở phiên tòa. Dù xét xử theo trình tự sơ thẩm, phúc thẩm hay xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì đều phải có giai đoạn chuẩn bị xét xử. Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Thẩm phán trong giai đoạn này thể hiện rõ nét nhất tại trình tự xét xử sơ thẩm, phúc thẩm.

- *Chuẩn bị xét xử sơ thẩm:* Bộ luật Tố tụng hình sự đã dành hẳn Chương XVII gồm có 8 điều (từ Điều 176 đến Điều 183) quy định về giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm. Theo đó, Thẩm phán được phân công giải quyết hồ sơ vụ án làm Chủ tọa phiên tòa, có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và tiến hành chuẩn bị xét xử.

- *Chuẩn bị xét xử phúc thẩm:* Theo Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành cũng như giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm Thẩm phán có nhiệm vụ nghiên cứu hồ sơ vụ án khi được phân công. Nhưng do tính chất của trình tự xét xử phúc thẩm, Thẩm phán nghiên cứu nội dung kháng cáo, kháng nghị và trong trường hợp cần thiết Thẩm phán có quyền nghiên cứu, xem xét các phần khác không bị kháng cáo, kháng nghị. Nhiều trường hợp Thẩm phán phải nghiên cứu cả về mặt thủ tục tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án cấp sơ thẩm bởi vì thực tế khi phát hiện thấy dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng về mặt tố tụng - là căn cứ để hủy án. Nhiệm vụ nghiên cứu hồ sơ vụ án là nhiệm vụ của cả Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và các Thẩm phán là thành viên Hội đồng xét xử.

Thẩm phán có quyền thu thập các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị do những người tham gia tố tụng trong vụ án cung cấp.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, nếu thấy có các căn cứ cho việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa có quyền áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn

- *Chuẩn bị xét xử cho việc xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm:* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì Thẩm phán phải báo cho Viện kiểm sát biết thời gian, địa điểm mở phiên tòa; nếu thấy cần thiết Thẩm phán có quyền triệu tập người bị kết án, người bào chữa, người có quyền lợi liên quan đến phiên tòa. Các Thẩm phán trong Hội đồng xét xử phải nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án.

Nói chung, các quy định về chuẩn bị xét xử giúp cho Thẩm phán có cách nhìn nhận, sự đánh giá nhất định có tính bao quát về vụ án, các vấn đề cần phải làm sáng tỏ; giúp Thẩm phán khi ra phiên tòa có tính chủ động hơn để điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục, bám sát nội dung vụ án, nâng cao hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa. Chính vì vậy, luật tố tụng hình sự đã quy định khá cụ thể về địa vị pháp lý của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, tạo ra hành lang pháp lý cho Thẩm phán để giải quyết vụ án, chính điều đó đã hạn chế rất nhiều án hủy vì lỗi nghiên cứu hồ sơ vụ án đây được xác định là lỗi chủ quan của Thẩm phán.

2.1.2. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm

Trong phần này tác giả tìm hiểu, phân tích các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Thẩm phán được thể hiện thông qua hoạt động tố tụng của Thẩm phán tại phiên tòa sơ thẩm qua các bước thủ tục bắt đầu phiên tòa, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, nghị án và tuyên án. Qua đó để làm nổi bật địa vị pháp lý cũng như vị trí, vai trò của Thẩm phán theo Bộ luật tố tụng hiện hành. Thẩm phán là người điều khiển suốt quá trình diễn ra phiên tòa, tham gia xét hỏi với vai trò là chính, liên tục để làm rõ sự thật của vụ án và đôi khi còn làm thay vai trò của Kiểm sát viên tại phiên tòa là bảo vệ quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đây được xác định là một hạn chế rất lớn của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và cũng là hạn chế của Thẩm phán; trong phần tranh luận Thẩm phán có nghĩa vụ điều khiển cho các bên tranh luận theo đúng trình tự thủ tục.

2.1.3. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm

Xét xử phúc thẩm là giai đoạn kết thúc của quá trình giải quyết vụ án hình sự theo trình tự xét xử hai cấp, bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay. Do đó, việc đảm bảo cho phiên tòa phúc thẩm được tiến hành một cách nghiêm minh đúng pháp luật để xem xét lại kết quả xét xử của bản án sơ thẩm là nhiệm vụ hết sức quan trọng và cần thiết. Phiên tòa phúc thẩm chỉ được tiến hành khi có kháng cáo, kháng nghị hợp lệ. Trong phần này tác giả cũng tìm hiểu, phân tích các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Thẩm phán được thể hiện thông qua hoạt động tố tụng của Thẩm phán tại phiên tòa phúc thẩm qua các bước thủ tục bắt đầu phiên tòa, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, nghị án và tuyên án. Qua đó để làm nổi bật địa vị pháp lý cũng như vị trí, vai trò của Thẩm phán theo Bộ luật tố tụng hiện hành.

2.1.4. Xét xử lại bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm

Hội đồng xét xử giám đốc thẩm, Hội đồng xét xử tái thẩm đều bao gồm 3 Thẩm phán. Phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm được bắt đầu bằng việc một thành viên của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm trình bày bản thuyết trình về vụ án. Sau đó, các Thẩm phán của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm phát biểu ý kiến và đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm, nếu những người bị kết án, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng nghị mà vắng mặt tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm có thể vẫn tiến hành xét xử.

Tuy Bộ luật Tố tụng hình sự không quy định nhưng theo Luật tổ chức Tòa án nhân dân thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chủ tọa các phiên họp của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Chánh án Tòa án cấp tỉnh Chủ tọa phiên họp của Ủy ban thẩm phán Tòa án cấp tỉnh nên Hội đồng giám đốc thẩm ở ủy ban thẩm phán Tòa án cấp tỉnh cho Chánh án Tòa án cấp tỉnh làm chủ tọa, phiên tòa giám đốc thẩm ở Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chủ tọa, nếu Chánh án vắng mặt thì một Phó Chánh án do Chánh án ủy quyền làm Chủ tọa phiên tòa giám đốc thẩm.

Đối với phiên tòa giám đốc thẩm ở tòa hình sự Tòa án nhân dân tối cao có 3 Thẩm phán trong đó 1 Thẩm phán làm Chủ tọa phiên tòa nhưng vai trò của Chủ tọa

chỉ mang tính hình thức. Thực tế xét xử cho thấy tại phiên tòa giám đốc thẩm ở ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh hay Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không có bản thuyết trình tại phiên tòa mà Thẩm tra viên trực tiếp nghiên cứu hồ sơ thuyết trình bằng miệng. Thẩm tra viên phải chuẩn bị tất cả các tình tiết của vụ án để trả lời những câu hỏi do Hội đồng giám đốc thẩm đặt ra. Sau khi đã thảo luận Chủ tọa phiên tòa có thể cho biểu quyết hoặc đề nghị hoãn phiên tòa.

2.1.5. Áp dụng pháp luật

Áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử được tiến hành chủ yếu tại phiên tòa. Các quy định của pháp luật về chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của Thẩm phán trong hoạt động xét xử luôn thể hiện và đòi hỏi Thẩm phán phải có vai trò quyết định và vị trí trung tâm trong hoạt động tư pháp.

Áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án, của Thẩm phán là áp dụng các quy định, các chế tài liên quan trực tiếp đến quyền con người, các quyền tự do, dân chủ của công dân như tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản ... trong suốt quá trình giải quyết vụ án đòi hỏi người Thẩm phán phải áp dụng đúng pháp luật nội dung, pháp luật tố tụng và pháp luật liên quan, tuân thủ nghiêm ngặt các bước tiến hành tố tụng và đạt độ chính xác cao nhất.

Khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đã được pháp luật tố tụng hình sự quy định và yêu cầu người áp dụng pháp luật phải tuân thủ tuyệt đối và nghiêm ngặt.

2.1.6. Phổ biến, giáo dục pháp luật

Mặc dù luật tố tụng hình sự không quy định phổ biến, giáo dục pháp luật là một chức năng của Tòa án nhưng nó được xem như một kết quả tất yếu của hoạt động tố tụng. Nó là một trong những kết quả của hoạt động tố tụng, những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân "không chỉ bằng lòng với tác động giáo dục của kết quả cuối cùng (bản án, quyết định hay một hành vi thực hiện pháp luật cụ thể ...) mà phải biết và phải có trách nhiệm khai thác mọi khả năng giáo dục của quá trình tiến hành hoạt động tố tụng để định hướng và tạo tiền đề tư tưởng thuận lợi cho việc đạt được kết quả cuối cùng đó.

2.1.7. Thi hành án

Tòa án nhân dân mặc dù là cơ quan duy nhất thực hiện chức năng xét xử nhưng theo Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành Tòa án còn là cơ quan tiến hành tố

tụng có nhiệm vụ thực hiện một số hoạt động tố tụng trong giai đoạn thi hành án hình sự như ra quyết định thi hành án (Điều 226), quyết định hoãn chấp hành án phạt tù (Điều 231), tạm đình chỉ thi hành án phạt tù (Điều 232), xét giảm thời gian chấp hành hình phạt tù đối với một số hình phạt như phạt tù, cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế (Điều 238), quyết định việc xóa án tích (Điều 240)...

Hoạt động xét xử của Thẩm phán ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng, tiến độ của hoạt động thi hành án hình sự cũng như thi hành án dân sự trong hình sự.

2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về hoạt động của Thẩm phán trong tố tụng hình sự

2.2.1. Những kết quả đạt được và chưa đạt được

Phần này tác giả trình bày những kết quả đạt được và chưa đạt được trong giải quyết vụ án hình sự thời gian gần đây; cũng như đưa ra một số hạn chế của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án hình sự và có đưa ra một số ví dụ thực tế để chứng minh.

2.2.2. Nguyên nhân

2.2.2.1. Nguyên nhân khách quan

- Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành mặc dù đã quy định về địa vị pháp lý của Thẩm phán nhưng còn thiếu văn bản hướng dẫn thi hành, có nhiều quy định bất cập, không còn phù hợp nên việc áp dụng pháp luật còn nhiều lúng túng, dẫn đến sai lầm nghiêm trọng.

- Số lượng án giải quyết ngày càng tăng trong khi đó điều kiện cơ sở vật chất làm việc còn thiếu nhiều cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý làm việc của cán bộ, chất lượng giải quyết công việc.

- Hàng năm việc rút kinh nghiệm, hướng dẫn áp dụng pháp luật, giải đáp những thắc mắc của Tòa án cấp trên cho Tòa án cấp dưới chưa kịp thời, chưa thống nhất nên việc lúng túng của Tòa án cấp dưới khi giải quyết án là không tránh khỏi.

2.2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Nhận thức của Thẩm phán về địa vị pháp lý chưa thống nhất.

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực xét xử của một số Thẩm phán còn hạn chế

- Nhiều Thẩm phán chưa làm tốt công tác chuẩn bị xét xử.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ cho Thẩm phán chưa được kịp thời, chưa đảm bảo và chưa được đầu tư đúng mức.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA THẨM PHÁN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

3.1. Phương hướng hoàn thiện

Thẩm phán được coi là đội ngũ chủ lực của ngành Tòa án do đó đứng trước yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, chiến lược cải cách tư pháp thì chúng ta phải nghiên cứu sửa đổi các quy định về đội ngũ thẩm phán, địa vị pháp lý của Thẩm phán để nâng cao chất lượng và hiệu quả xét xử. Theo tác giả để có những giải hoàn thiện chính xác thì phải đưa phương hướng hoàn thiện, cụ thể:

- Kiểu tổ tụng hình sự hiện tại của nước ta là kiểu tổ tụng thẩm vấn

- Chúng ta không nên chọn giải pháp chuyển đổi sang kiểu tổ tụng tranh tụng mà chúng ta nên hoàn thiện kiểu tổ tụng hình sự hiện tại, chúng ta chỉ nên bàn đến những yếu tố hợp lý để lựa chọn nó để bổ sung, sửa đổi thay thế củng cố thêm cho kiểu tổ tụng thực tại. Tiến tới Bộ luật Tố tụng hình sự được sửa đổi nên đi theo hướng *tổ tụng xét hỏi có kết hợp và mở rộng tranh tụng tại phiên tòa* nhằm bảo đảm tính dân chủ trong tố tụng. Còn việc chuyển hẳn sang tố tụng tranh tụng thì thời điểm này là chưa phù hợp hơn nữa vấn đề này còn phải tiếp tục nghiên cứu sâu.

3.2. Giải pháp hoàn thiện

3.2.1. Lập pháp

Tác giả mạnh dạn đề xuất một số giải pháp hoàn thiện về địa vị pháp lý của Thẩm phán trong tố tụng hình sự Việt Nam với các nội dung: Về trách nhiệm tố tụng; về trình tự xét hỏi; về căn cứ để Hội đồng xét xử ra bản án, quyết định; về nghị án; về nghiên cứu hồ sơ vụ án; về thẩm quyền trưng cầu giám định của Tòa án; thủ tục tố tụng phúc thẩm

3.2.2. Về áp dụng pháp luật

Tác giả đưa ra một số giải pháp như:

- Phiên tòa xét xử vụ án hình sự phải thể hiện rõ địa vị pháp lý của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng. Thẩm phán phải thực hiện đúng chức năng của mình mà pháp luật tố tụng hình sự đã quy định cũng như việc đảm bảo cho các bên tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ.

- Thẩm phán phải áp dụng đúng trình tự thủ tục tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm (đặc biệt là thủ tục bắt đầu phiên tòa) mà Bộ luật Tố tụng hình sự đã quy định.

- Khi được phân công giải quyết vụ án Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa phải tập trung nghiên cứu hồ sơ vụ án, xây dựng kế hoạch xét xử, có phương án xét hỏi đồng thời phải dự kiến được các tình huống có thể xảy ra tại phiên tòa để có sự chuẩn bị, tạo điều kiện cho việc tranh luận tại phiên tòa đạt hiệu quả và tránh trường hợp khi xảy ra tình huống Thẩm phán lúng túng không biết xử lý thế nào, phải hoãn phiên tòa vì lý do chủ quan.

- Thẩm phán phải có kế hoạch triệu tập những người tham gia tố tụng hợp lý.

3.2.3. Văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật

- Cần phải tăng cường công tác xây dựng hướng dẫn thi hành pháp luật,

- Hàng năm tiến hành tổng kết công tác thực tiễn giải quyết án hình sự, giải đáp những thắc mắc về nghiệp vụ xét xử cho Tòa án cấp dưới một cách kịp thời. Hàng năm tổng kết án cải sửa nặng, hủy nhưng phải nêu ra được lỗi của Thẩm phán là do chủ quan hay khách quan để từ đó Thẩm phán giải quyết vụ án có những nhìn nhận đánh giá lại vụ án và rút kinh nghiệm lần sau. Hàng năm Tòa án nhân dân tối cao phát triển án lệ để Tòa án cấp dưới tham khảo.

3.2.4. Lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với đội ngũ Thẩm phán

- Đảng lãnh đạo về chủ trương, đường lối về công tác tổ chức để nâng cao chất lượng cán bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động tư pháp trên tinh thần dân chủ tôn trọng pháp luật chứ không can thiệp vào công việc chuyên môn, không can thiệp vào từng công việc cụ thể của Tòa án. Thực hiện phương châm Đảng lãnh đạo chứ không quản lý. Cần phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động xét xử hơn nữa.

- Tăng cường công tác giám sát của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, của nhân dân đối với hoạt động xét xử vụ án hình sự của Thẩm phán.

3.2.5. Về tổ chức cán bộ

* *Đào tạo và bồi dưỡng Thẩm phán theo tinh thần cải cách tư pháp.*

- Phải xây dựng đội ngũ Thẩm phán ngày càng vững về chính trị, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, có trách nhiệm cao, có đạo đức nghề nghiệp trong sáng, có bản lĩnh nghề nghiệp kiên trung.

- Không được coi nhẹ đạo đức nghề nghiệp của người Thẩm phán.

- Việc đào tạo và bồi dưỡng Thẩm phán phải toàn diện mọi mặt.

- Phải có chương trình truyền đạt cho họ về vai trò, trách nhiệm, đạo đức của người Thẩm phán.

- Tiến tới xây dựng đội ngũ Thẩm phán nhân dân có tính chuyên nghiệp, chuyên sâu và ngày càng hiện đại.

- Phải làm tốt khâu tuyển chọn cán bộ Tòa án ngay từ ban đầu vì đây là nguồn để sau này đào tạo, bổ nhiệm trở thành Thẩm phán.

- Mở rộng hợp tác quốc tế.

** Tuyển chọn bổ nhiệm, nhiệm kỳ Thẩm phán*

- Ngoài các tiêu chuẩn về trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ khi tuyển chọn Thẩm phán phải chú trọng đến hình thức bên ngoài của Thẩm phán.

- Bổ nhiệm Thẩm phán nước ta phải theo nhiệm kỳ nhất định nhưng có thể kéo dài nhiệm kỳ từ 7 năm đến 10 năm.

** Chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ và cơ sở vật chất đối với Thẩm phán*

- Cần tăng lương và chế độ đãi ngộ cho Thẩm phán hơn nữa.

- Cần trang bị những điều kiện cơ sở vật chất đầy đủ cho hoạt động xét xử của đội ngũ Thẩm phán.

KẾT LUẬN

Xét xử là một nghề và là một nghề đặc biệt, bởi vì hoạt động xét xử phải đảm bảo nguyên tắc độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc tuyên án nhân danh Nhà nước; bản án, quyết định mang tính cưỡng chế cao, ảnh hưởng trực tiếp đến chính trị, kinh tế, thậm chí đến tự do, tính mạng của người bị tuyên án. Xét xử là nghề nghiệp của Thẩm phán. Nghề này không chỉ đòi hỏi trình độ tay nghề cao, có bề dày chính trị vững vàng. Chính bởi lẽ đó, ở mỗi nước tùy vào chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... của nước mình để xây dựng nền pháp lý tố tụng hình sự có những nét khác nhau trên cơ sở đó xây dựng địa vị pháp lý của Thẩm phán cũng có đặc điểm khác nhau. Hiện nay, kiểu tố tụng của nước ta là kiểu tố tụng thẩm vấn, trách của Thẩm phán tại phiên tòa là vô cùng nặng nề, Thẩm phán là người xét hỏi chính và liên tục trong khi đó vai trò công tố của Kiểm sát viên, bào chữa của Luật sư còn rất mờ nhạt, yếu tố tranh tụng tại phiên tòa còn yếu, tính dân chủ và các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong thực tế nhiều khi chưa được đảm bảo... do đó Bộ Chính trị đã đặt ra chiến lược cải cách tư pháp có lộ trình tại các Nghị quyết 08-NQ/TW, 48-NQ/TW và 49-NQ/TW.

Qua nghiên cứu đề tài "**Địa vị pháp lý của Thẩm phán trong tố tụng hình sự Việt Nam**" cho phép tác giả rút ra một số kết luận sau:

Thứ nhất: Quá trình tố tụng được thực hiện qua các giai đoạn tố tụng khác nhau, xét xử là giai đoạn cuối cùng của quá trình đó. Thẩm phán là thành viên của Hội đồng xét xử, là người trực tiếp áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án hình sự. Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành đã quy định địa vị pháp lý của Thẩm phán về giải quyết vụ án hình sự qua các giai đoạn xét xử. Thẩm phán phải nắm chắc các quy định pháp luật này để thực hiện đúng, áp dụng thống nhất quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như việc đảm bảo quyền và nghĩa vụ của đương sự...

Thứ hai: Tác giả tìm hiểu một số vấn đề lý luận về địa vị pháp lý của Thẩm phán để có cách nhìn nhận khái quát về sự hình thành và phát triển các quy định pháp luật về địa vị pháp lý của Thẩm phán, thấy được mối quan hệ của Thẩm phán trong công tác cũng như các nguyên tắc hoạt động cơ bản mà trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán phải tuân thủ; tìm hiểu pháp luật tố tụng hình sự nước ngoài để có sự so sánh một cách khái quát nhất về địa vị pháp lý của Thẩm phán các nước đó với Thẩm phán Việt Nam.

Thứ ba: Mặc dù Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành quy định về địa vị pháp lý của Thẩm phán nhưng qua quá trình nghiên cứu tác giả thấy còn nhiều bất cập, nhiều quy định không còn phù hợp với bối cảnh hiện nay khi Bộ Chính trị đề ra chiến lược cải cách tư pháp lấy Tòa án làm trọng tâm, Nhà nước ta đang tiến tới xây dựng Nhà nước pháp quyền và thực tế cũng đã chứng minh điều đó. Chính những bất cập đó đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng xét xử, chất lượng tranh tụng tại phiên tòa chưa thực sự đáp ứng yêu cầu.

Trong luận văn tác giả đã nêu và phân tích các quy định của pháp luật thực định, đưa ra những bất cập của các quy định đó, những hạn chế về trình độ năng lực của Thẩm phán qua quá trình áp dụng pháp luật, nêu ra những nguyên nhân từ đó đưa ra phương hướng và một số giải pháp về lập pháp, về áp dụng pháp luật, về văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật, về lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với đội ngũ Thẩm phán và về tổ chức cán bộ để hoàn thiện địa vị pháp lý của Thẩm phán trong tố tụng hình sự Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu hi vọng sẽ góp phần nhỏ bé vào việc sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự trong thời gian sắp tới.